

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 15/3/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;
2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành T, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Lý Ngọc Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thành T cho rằng, do được người khác giới thiệu nên ông T có cho ông Lý Ngọc Đ vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, bao gồm: 10.000.000 đồng vào ngày 07/3/2020 và 10.000.000 đồng vào ngày 12/4/2020. Cả 02 khoản vay được lập chung trong biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 07/3/2020 do ông T viết nội dung và ông Đ ký tên. Ông T trực tiếp

giao tiền cho ông Đ. Mục đích vay để mua bán và sinh hoạt gia đình; không thỏa thuận lãi suất; khi nào ông T cần lấy lại vốn thì ông Đ trả lại. Sau đó, ông T yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả vốn vay còn nợ 20.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định ông Đ đã trả cho ông T nợ vốn 2.950.000 đồng trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022. Ông Đ chỉ còn nợ ông T số tiền 17.050.000 đồng. Cho nên, ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.950.000 đồng; chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền vay còn nợ 17.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 07/3/2020 đề họ tên bên vay tiền Lý Ngọc Đ, bên cho vay Lê Thành T (bản photo).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Ngọc Đ trình bày, ông Đ thừa nhận có vay của ông T số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 07/3/2020 và số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 12/4/2020, để trả nợ ngân hàng, lãi suất mỗi tháng 3.000.000 đồng/20.000.000 đồng; không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Các bên có làm biên nhận nợ và ông Đ có ký tên, ghi họ tên. Sau khi vay, ông Đ đã trả lãi cho ông T được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng nhưng không lập biên nhận và không có người chứng kiến. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến 01/2022, ông Đ có trả nợ vốn cho ông T tổng cộng 2.950.000 đồng nên còn lại 17.050.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả, ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Đ xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 2.950.000 đồng; chỉ yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại 17.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa ông T, ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản và ông Đ thừa nhận có vay, còn nợ ông T 17.050.000 đồng. Cho nên, ông T khởi kiện là có căn cứ.

Ông Đ xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng nhưng ông T không chấp nhận và ông Đ khai đã trả lãi cho ông T 04 lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Cho nên, không có cơ sở xem xét.

Về lãi suất, ông T không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông T với ông Đ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; buộc ông Đ trả cho ông T 17.050.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 2.950.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê Thành T khởi kiện yêu cầu ông Lý Ngọc Đ trả nợ vay. Ông Đ đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Ông T, ông Đ thống nhất, ông Đ có vay của ông T 02 lần, với tổng số tiền 20.000.000 đồng, bao gồm: vay 10.000.000 đồng vào 07/3/2020 và vay 10.000.000 đồng vào ngày 12/4/2020. Cả 02 khoản vay đều không thỏa thuận thời hạn, khi nào cần lấy lại vốn thì ông T thông tin cho ông Đ biết trước. Các bên có lập biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 07/3/2020. Về nợ gốc, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022, ông Đ đã trả cho ông T được 2.950.000 đồng nên chỉ còn nợ 17.050.000 đồng.

Về nợ lãi, ông T, ông Đ khai không thống nhất. Ông T khai cả 02 khoản vay đều không thỏa thuận lãi suất. Ông Đ khai các khoản vay có thỏa thuận tiền lãi 3.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng và đã trả được số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Đồng thời, biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 07/3/2020 do các bên lập không thể hiện các khoản vay đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận lãi. Cho nên, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông Đ về việc các khoản vay đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận lãi và ông Đ đã trả tiền lãi được 12.000.000 đồng.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông Đ vay của ông T 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, không thời hạn; đã trả nợ vốn 2.950.000 đồng; còn nợ lại nợ vốn 17.050.000 đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông Đ trả nợ vốn 20.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ vốn mà ông Đ đã trả 2.950.000 đồng. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu trả nợ vốn, do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số nợ vốn còn lại 17.050.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông Đ trả cho ông T nợ vốn vay 17.050.000 đồng.

Về nợ lãi chậm trả, do ông T không yêu cầu ông Đ trả tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về phương thức thanh toán, ông Đ yêu cầu trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Cho nên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông T là 852.500 đồng.

Ông T được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành T về việc yêu cầu ông Lý Ngọc Đ trả nợ gốc 2.950.000 (hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành T.

Buộc ông Lý Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành T số nợ gốc 17.050.000 (mười bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Ngọc Đ phải chịu 852.500 (tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thành T được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Thành T, ông Lý Ngọc Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình